

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST

Ngày: 13-3-2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thiều Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tự;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D xét xử công khai vụ án thụ lý số: 345/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2017 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2018/QĐST-DS ngày 30-01-2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02, đường Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K- chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền thường xuyên: Ông Lê Quốc D- chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Ông Lê Quốc D ủy quyền cho ông Trần Minh S– Trưởng phòng Tổng hợp Ngân hàng N – Chi nhánh Huyện D, tỉnh Tây Ninh (theo giấy ủy quyền số 117/NHN₀ – TH ngày 10-10-2017) (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Phà C, sinh năm: 1964; ông Lê Văn T, sinh năm: 1961; cùng địa chỉ: Số nhà A, tổ B, ấp NT, xã BN, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10-10-2017 và trong quá trình xét xử Ngân hàng N – Chi nhánh Huyện D, tỉnh Tây Ninh do ông Trần Minh S đại diện trình bày:

Ngân hàng N – Chi nhánh Huyện D và bà Nguyễn Phà C, ông Lê Văn T có ký hợp đồng tín dụng số 5702LAV201504553 và kèm theo phụ lục hợp đồng ngày 27-5-2015. Ngân hàng có cho bà C, ông T vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu) đồng; hạn mức cho vay là 36 tháng, thời hạn vay 12 tháng (27-5-2015 đến 27-5-2016) lãi suất trong hạn 7%/ năm, lãi suất nợ quá hạn 10,5%/ năm. Do hình thức vay tín chấp nên hai bên không làm hợp đồng thế chấp, khi vay tiền bà C và ông T có nộp cho Ngân hàng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 357m², thửa số 80, tờ bản đồ số 07, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03609 QSDD/44/2004/QĐ-UB ngày 15- 02- 2004 do bà C đứng tên cho Ngân hàng giữ để xử lý nếu vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Đến ngày trả nợ bà C và ông T không có khả năng trả nợ nên ngày 26-5-2016 Ngân hàng và bà C, ông T có ký thêm phụ lục hợp đồng và giấy đề nghị kiểm phương án cơ cấu lại thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 27- 5- 2017. Về tiền lãi bà C và ông T đã đóng lãi cho Ngân hàng đến ngày 28-11-2016 thì ngưng cho đến nay.

Nay Ngân hàng N - Chi nhánh Huyện D yêu cầu bà C, ông T trả số tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 13-3-2018 là 5.984.000 đồng (trong đó lãi từ ngày 29-11-2016 đến ngày 04-10-2017 là 3.650.700 đồng, lãi từ ngày 05-10-2017 đến ngày 13-3-2018 là 2.333.300 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 55.984.000 đồng và yêu cầu bà C, ông T tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 14-3-2018 cho đến khi trả xong nợ; đồng thời ưu tiên thanh toán cho Ngân hàng khi xử lý tài sản.

Về tài sản đảm bảo, Ngân hàng không yêu cầu xem xét, thẩm định hiện trạng và yêu cầu định giá theo quy định pháp luật.

Bị đơn (bà C) trình bày: Theo biên bản lấy lời khai ngày 08-12-2017 (bà C và ông T không ký tên) thừa nhận lời trình bày của đại diện Ngân hàng về thời gian vay, số tiền vay và lãi suất là đúng. Vợ chồng bà đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền gốc, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm, tổng cộng là 55.984.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày 14-3-2018 cho đến khi trả xong nợ. Tuy nhiên bà và ông T không đồng ý dùng tài sản đảm bảo để phát mãi, ưu tiên thanh toán cho Ngân hàng vì hiện tại vợ chồng bà còn một phần đất khác đang trong thời gian chờ chuyển nhượng, khi chuyển nhượng được sẽ trả nợ cho Ngân hàng.

Về tài sản thế chấp, bà không yêu cầu xem xét, thẩm định hiện trạng, định giá theo quy định của pháp luật.

Bị đơn (ông T) trình bày: Đồng ý với toàn bộ lời trình bày của bà C, không bổ sung thêm ý kiến gì khác.

Quá trình giải quyết bà C và ông T được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật, bà C và ông T nhận các văn bản trên nhưng không ký tên và vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D phát biểu ý kiến:

Về Tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn là bà C và ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết và tại phiên Tòa hôm nay, bà C, ông T đã được cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo, văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 177, 178 của Bộ luật Tố tụng dân sự hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do xem như bà C, ông T từ bỏ quyền lợi của mình. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bà C, ông T.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết đại diện Ngân hàng và bà C, ông T thống nhất số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi (tiền lãi trong hạn, quá hạn và tiền lãi phát sinh cho đến khi xong nợ).

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng bổ sung yêu cầu tính tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử 13-3-2018 (từ ngày 05-10-2017 đến 13-3-2018) là 2.333.300 đồng và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng từ sau ngày 13-3-2018 cho đến khi tất nợ xong.

Xét thấy: Yêu cầu bổ sung của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận; Bởi lẽ theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017 có quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”, yêu cầu bổ sung của Ngân hàng trong phạm vi cho phép, không vượt quá yêu cầu khởi kiện

ban đầu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bổ sung của Ngân hàng là phù hợp theo quy định pháp luật.

Mặt khác bà C, ông T cũng thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền trên và đồng ý trả nợ gốc, lãi và tiền lãi phát sinh cho đến khi tắt nợ, do đó có cơ sở cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3] Về tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay là diện tích 357m² đất, thửa số 80, tờ bản đồ số 07, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03609 QSDĐ/44/2004/QĐ-UB ngày 15-02-2004 do bà C đứng tên theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã thỏa thuận được ưu tiên thanh toán cho Ngân hàng khi xử lý tài sản đảm bảo là có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà C, ông T phải chịu: 55.984.000 đồng x 5% = 2.799.200 đồng theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017; các Điều 147; Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với bà Nguyễn Phà C và ông Lê Văn T.

Buộc bà Nguyễn Phà C và ông Lê Văn T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 13-3-2018 là: 55.984.000 đồng (Năm mươi lăm triệu chín trăm tám mươi tư ngàn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngân hàng N có trách nhiệm trả lại cho bà C, ông T (01) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 357m² đất, thửa số 80, tờ bản đồ số 07, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03609 QSDĐ/44/2004/QĐ-UB ngày 15-

02-2004 do bà Nguyễn Phà C đứng tên (bản chính) sau khi bà C ông T tắt nợ xong. Trường hợp bà C, ông T không trả được nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án cưỡng chế phát mại tài sản để thu hồi nợ và được ưu tiên thanh toán nợ từ số tiền bán tài sản.

2. Về án phí sơ thẩm Dân sự: Bà C, ông T phải chịu: 2.799.200 đồng (Hai triệu bảy trăm chín mươi chín ngàn hai trăm) đồng.

Ngân hàng N không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 1.341.500 (Một triệu ba trăm bốn mươi một ngàn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015849 ngày 20-10-2017.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- THA Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu: Tập án, hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thiều Thị Phụng